

Tiếp cận tương tác: Tiêu chí và phương pháp dạy nghe tiếng Việt cho người nước ngoài

Nguyễn Hoàng Phương*



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

TÓM TẮT

Các hoạt động nghe trong thực tế có một tỷ lệ đáng kể có tính chất tương tác. Điều này đã được kiểm chứng trong các công trình nghiên cứu trên thế giới. Tất cả các hoạt động nghe, trừ hoạt động nghe các phương tiện truyền thông, nghe diễn văn và nghe lén, đều hướng đến việc nghe và nói hai chiều qua lại trong giao tiếp trực tiếp. Thế nhưng, trong các hoạt động giảng dạy ngôn ngữ, theo truyền thống, các bài tập nghe thường có cách tiếp cận thụ động với việc nghe, làm cho người học coi nghe là một hoạt động thuần tiếp nhận, người nghe tiếp nhận những gì họ nghe được, chứ không chủ động tổng hợp thông tin nhận được và yêu cầu làm rõ nếu gặp vấn đề trong việc hiểu. Nếu người học được đặt trong các ngữ cảnh giao tiếp, nếu họ có thể tương tác với người nói để tìm kiếm sự thấu hiểu, thì hiệu quả dạy và học của các hoạt động nghe ngôn ngữ sẽ được nâng cao. Vì những lý do đó, trong bài viết này, chúng tôi nghiên cứu về việc áp dụng phương pháp tiếp cận tương tác vào việc dạy nghe tiếng Việt cho người nước ngoài. Chúng tôi tìm hiểu các công trình nghiên cứu về việc dạy nghe tương tác và các bài kiểm tra đánh giá năng lực nghe tiếng Việt để làm rõ các khái niệm về tương tác, nghe tương tác và các yếu tố cấu thành của chúng. Từ đó chúng tôi đề xuất các thủ pháp dạy nghe tương tác tiếng Việt. Chúng tôi cũng đề nghị các tiêu chí để đánh giá kỹ năng nghe tương tác của người nước ngoài trong quá trình dạy - học và trong các hoạt động kiểm tra - đánh giá. Chúng tôi cũng sẽ thảo luận các khả năng để xây dựng giáo trình nghe tiếng Việt tăng cường tính tương tác cho người nước ngoài cũng như các tiêu chuẩn đánh giá các bài kiểm tra năng lực nghe tương tác tiếng Việt.

Từ khóa: tiếp cận tương tác, nghe tương tác, tiêu chí, phương pháp, nghe tiếng Việt

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM, Việt Nam

Liên hệ

Nguyễn Hoàng Phương, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM, Việt Nam

Email: nguyenhoangphuong@hcmussh.edu.vn

Lịch sử

- Ngày nhận: 6-1-2025
- Ngày sửa đổi: 15-7-2025
- Ngày chấp nhận: 29-12-2025
- Ngày đăng: 26-1-2026

DOI:

<https://doi.org/10.32508/stdjssh.v10i1.1100>



Bản quyền

© ĐHQG Tp.HCM. Đây là bài báo công bố mở được phát hành theo các điều khoản của the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



ĐẶT VẤN ĐỀ

Nghe luôn được đa số người học coi là kỹ năng khó khi học ngoại ngữ.^{1,2} Người học thường chú ý nhiều đến cách học và luyện nghe hiệu quả. Do đó, nghiên cứu này tìm hiểu cấu trúc kỹ năng nghe tương tác và các phương pháp thực tế hiện có trong việc đánh giá năng lực nghe tương tác trong các bài kiểm tra tiếng Việt. Với mục đích minh họa khả năng hỗ trợ của nghe tương tác cho việc đánh giá kỹ năng nghe theo cách truyền thống, nghe tương tác đã được xem xét trong suốt quá trình nghiên cứu trong bối cảnh và góc độ đánh giá ngôn ngữ giao tiếp. Cụ thể, các vấn đề liên quan đến nghe tương tác như khái niệm, thành tố, phương pháp giảng dạy, cấu trúc yêu cầu, tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá sẽ được tìm hiểu. Nghiên cứu này khảo sát các công trình nghiên cứu, các bộ đề kiểm tra nghe tương tác bằng tiếng Anh và tiếng Việt trên thế giới và tại Việt Nam, vận dụng vào việc dạy nghe tiếng Việt. Kết quả mong đợi bao gồm các phương pháp dạy nghe tương tác bằng tiếng Việt cho người nước ngoài, cấu trúc yêu cầu nghe tương tác, tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá và định hướng biên soạn giáo trình nghe tương tác bằng tiếng Việt cho

người nước ngoài.

Việc giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài ở Khoa Việt Nam học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh đã được thực hiện hơn 20 năm. Tuy nhiên, trong các hoạt động giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài, các nhiệm vụ nghe vẫn được thực hiện một cách truyền thống, khuyến khích cách nhìn thụ động về kỹ năng nghe, khiến người học xem việc nghe như một hoạt động tiếp thu thuần túy thay vì tích cực cố gắng tích hợp thông tin đến và tìm cách làm rõ khi quá trình xây dựng diễn giải gặp trở ngại. Nếu các nhiệm vụ kiểm tra thu hút người học vào các tình huống giao tiếp, nơi họ có thể tương tác với người nói một cách tự do để đạt được khả năng hiểu thành công chắc chắn sẽ có ảnh hưởng tích cực đến việc dạy và học trong lớp. Vai trò, tầm quan trọng của tương tác trong giao tiếp ngôn ngữ là rất lớn, là mục tiêu chính yếu. Thế nhưng, đến nay vẫn chưa có nhiều nghiên cứu chính thức về dạy nghe tương tác tiếng Việt cho người nước ngoài. Vì thế, nghiên cứu này có ý nghĩa cấp thiết nhằm cập nhật, mở rộng, nâng cao chất lượng dạy và học tiếng Việt cho người nước

Trích dẫn bài báo này: Phương N.H. **Tiếp cận tương tác: Tiêu chí và phương pháp dạy nghe tiếng Việt cho người nước ngoài.** *Sci. Tech. Dev. J. - Soc. Sci. Hum.* 2026; 10(1):3264-3276.

ngoài, đồng thời định hình, tạo cơ sở xây dựng và phát triển một khung cơ sở lý thuyết hợp lý cho chuyên môn phương pháp giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài. Bên cạnh đó, với việc tính chất cạnh tranh trong thị trường dịch vụ giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài ngày càng gia tăng, nhu cầu quảng bá tiếng Việt, Việt Nam học cho người nước ngoài, thu hút người nước ngoài học tiếng Việt ngày càng lớn thì những nghiên cứu liên quan đến việc nâng cao chất lượng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài, củng cố phương pháp dạy tiếng Việt cho người nước ngoài khoa học, hiệu quả, thu hút cũng là rất cấp thiết trong bối cảnh hiện nay nhằm góp phần giữ vững và phát triển hơn nữa các đơn vị cơ sở như Khoa Việt Nam học.

TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU TÀI LIỆU

Nghiên cứu về các hoạt động nghe ngôn ngữ trong các tình huống thực tế đã chứng minh rằng các hoạt động nghe chủ yếu diễn ra trong bối cảnh tương tác.³⁻⁹ Tuy nhiên, nhìn vào lịch sử đánh giá nghe, các xu hướng tập trung bao gồm, thứ nhất, các văn bản đầu vào sát thực;¹⁰⁻¹² thứ hai, các kênh đầu vào;^{11,13-15} thứ ba, các phản hồi sát thực được mong đợi;^{11,16-18} và thứ tư, các mục đích giao tiếp.^{12,19} Thế nhưng, việc đánh giá khả năng nghe tương tác là cần thiết vì nó có khả năng có tác động đẩy tiềm năng đến việc học ngôn ngữ. Anderson và Lynch lưu ý rằng các nhiệm vụ trong quá trình nghe truyền thống tạo ra suy nghĩ tiêu cực về hoạt động nghe, khiến người nghe coi loại hoạt động này là hoạt động hoàn toàn thụ tác, trong đó họ chỉ tiếp thu cũng như ghi lại những điều họ có thể nghe được thay vì cố gắng chủ động tổng hợp thông điệp được nhận và cố gắng làm rõ thêm vì quá trình tương tác bị cản trở [⁶, tr.15]. Các hoạt động kiểm tra giúp người nghe tham gia vào giao tiếp tình huống, trong đó người học được yêu cầu tương tác tự do với người nói để đạt được sự hiểu biết thành công sẽ có tác động tích cực đến việc dạy và học trên lớp.

Từ tình hình trên thế giới nhìn lại việc dạy tiếng Việt, có thể nói rằng việc dạy và học nghe theo góc độ tương tác vẫn chưa thực sự có nhiều. Nguyễn Thị Hoàng Yến có đề cập đến các phương pháp tương tác được sử dụng trong các lớp nghe tiếng Việt nhưng chỉ nêu vắn tắt một số kỹ thuật tương tác có thể áp dụng khi dạy nghe tiếng Việt, mà không phân tích nội dung nghe tương tác.¹ Tóm lại, cho đến nay, việc dạy kỹ năng nghe tiếng Việt đã và đang được thực hiện theo phương pháp tiếp cận thông tin, thụ động, tiếp nhận một chiều dù có sử dụng phương pháp giao tiếp.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Tổng hợp

Chúng tôi khảo sát 45 công trình khoa học đã nghiên cứu về phương pháp giảng dạy nghe tương tác trên thế giới (bằng tiếng Anh) và trong nước (bằng tiếng Việt) bắt đầu từ những năm 1980 khi khái niệm giao tiếp tương tác bắt đầu xuất hiện cho đến kỷ nguyên hậu phương pháp, hậu hiện đại khoảng năm 2010; 6 bộ đề thi tiếng Anh có tính đến tiêu chí đánh giá khả năng tương tác từ năm 2000 đến 2010 của các cơ quan đánh giá năng lực tiếng Anh uy tín của Anh và Mỹ cùng với bộ đề thi mẫu dùng cho việc đánh giá năng lực tiếng Việt cho người nước ngoài của Bộ Giáo dục và đào tạo Việt Nam; các bộ giáo trình dạy tiếng Việt cho người nước ngoài thực tế đang áp dụng tại Khoa Việt Nam học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. Từ các tài liệu nghiên cứu đó, chúng tôi phân tích nội dung, so sánh, tổng hợp hệ thống các quan điểm, các định nghĩa khái niệm về nghe tương tác, phương pháp dạy nghe tương tác, tiêu chí đánh giá kỹ năng nghe tương tác.

Miêu tả

Sau khi có được các thông tin tổng hợp từ khảo sát, chúng tôi tiến hành miêu tả, làm rõ các quan điểm, khái niệm về nghe tương tác, phương pháp dạy nghe tương tác, tiêu chí đánh giá kỹ năng nghe tương tác.

Phân tích

Dựa trên bộ máy khái niệm cơ sở chung nhất đã rút ra được, chúng tôi tiến hành phân tích các khả năng vận dụng vào việc dạy nghe tương tác tiếng Việt cho người nước ngoài, để xuất các thủ pháp, kỹ thuật dạy nghe tương tác tiếng Việt cho người nước ngoài, các tiêu chí đánh giá kỹ năng nghe tương tác cho người nước ngoài.

Ngôn ngữ học tri nhận

Đồng thời với các phương pháp nêu trên, xuyên suốt trong quá trình nghiên cứu chúng tôi cũng sử dụng các phương pháp, thủ pháp, quan điểm lý luận, lập luận của Ngôn ngữ học tri nhận để xử lý các vấn đề liên quan đến việc dạy nghe tương tác tiếng Việt cho người nước ngoài cũng như các vấn đề về thụ đắc ngôn ngữ khi người nước ngoài học nghe tương tác tiếng Việt. Từ các khái niệm, phương pháp, thủ pháp, kỹ thuật dạy nghe tương tác tiếng Việt, chúng tôi đưa ra các đề xuất cho việc xây dựng bộ tiêu chí đánh giá kỹ năng nghe tương tác tiếng Việt cho người nước ngoài.

Khảo sát ngẫu nhiên

Chúng tôi tiến hành khảo sát ngẫu nhiên 134 người, bao gồm 40 giáo viên đang dạy, là các giáo viên đã có kinh nghiệm giảng dạy từ 5 năm trở lên và 94 học viên người nước ngoài học tiếng Việt, đang học ở trình độ trung cấp và nâng cao tại Khoa Việt Nam học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh trong năm 2024 bằng link khảo sát trực tuyến ẩn danh để kiểm tra các vấn đề liên quan đến yếu tố giao tiếp tương tác trong quá trình dạy và học tiếng Việt cho người nước ngoài.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Định nghĩa Nghe tương tác

Nghe tương tác là gì, nghe cái gì và nghe như thế nào có thể được coi là tương tác? Vandergrift đặc biệt quan tâm đến nghe tương tác. Tuy nhiên, trong nghiên cứu của Vandergrift, các đặc điểm chính của nghe tương tác không bao gồm các đặc điểm như duy trì các mối quan hệ xã hội và các yếu tố cá nhân trong thông điệp nhận dạng.²⁰⁻²² Tuy nhiên, ông nhấn mạnh đến sự tương tác giữa người nghe và người nói. Ông định nghĩa rằng nghe tương tác là một quá trình hai chiều, có đặc điểm chính là có tính ngữ cảnh cao, bao gồm cả tương tác với người nói.²² Hầu hết các nhà nghiên cứu như Lynch, Rost, Tokeshi, Yule, v.v., đều đồng ý với Vandergrift khi xem xét “giao tiếp hai chiều” hoặc “tương tác với người nói”, sự khác biệt cốt lõi của nghe tương tác bất kể mục đích nghe là tiếp nhận thông điệp hay thỏa mãn nhu cầu xã hội của người nghe.²³⁻²⁵

Nói về việc nghe diễn ra trong các tình huống tương tác, cả “nghe tương tác (interactive listening)”²¹ và “nghe hỗ tác (interactional listening)”²² đều được Vandergrift sử dụng. Sau đó, ông sử dụng “nghe song phương (bidirectional listening)” như một thuật ngữ mới.²⁶⁻²⁸ Lynch cũng sử dụng nhiều thuật ngữ khác nhau, chẳng hạn như “nghe tương hỗ (reciprocal listening)”⁶, nghe tương tác (interactive listening)²³ và nghe hai chiều (two-way listening).²⁹ Ngoài ra còn có nhiều thuật ngữ khác được các nhà nghiên cứu sử dụng, chẳng hạn như “nghe diễn ngôn cộng tác (listening in collaborative discourse)” của Rost,³⁰ “nghe tham dự (participatory listening)” của Richards³¹ và Dunkel³², hay “nghe cộng tác (collaborative listening)” của Buck.¹²

Tổng hợp từ các công trình nghiên cứu, chúng tôi hoàn toàn đồng ý với Guan Xiao Xian & Jin Yan², rằng chúng ta có thể hình thành một khung chuẩn cho nghe tương tác như sau: Nghe tương tác là hoạt động diễn ra trong một tình huống giao tiếp. Trong quá trình này, người nghe đóng vai trò tích cực là người

tham gia và/hoặc người tiếp nhận nghe), nghe và đưa ra phản hồi như hiểu tín hiệu, yêu cầu làm rõ, đàm phán ý nghĩa, v.v. Trong khi thực hiện quá trình như vậy, người nghe, cộng tác với người nói, giải quyết các trở ngại giao tiếp, định hình diễn ngôn, sau đó đạt được mục đích tương tác. Như vậy, về thực chất, nghe tương tác chính là hoạt động kết hợp hai kĩ năng nói và nghe trong giao tiếp, tương tác qua lại với nhau, vừa để hoàn thành các nhiệm vụ yêu cầu nghe vừa nâng cao năng lực nói giao tiếp hai chiều.

Dạy nghe tiếng Việt với quan điểm tương tác

Các tiêu chí nghe tương tác

Nghe tương tác, nói một cách đơn giản, là nghe có sự tương tác giữa người nghe và người nói. Kỹ năng nghe tương tác được xác định trong 20 định nghĩa được khảo sát với các yếu tố chính sau:

(Trong Bảng 1 ở dưới, “+” là có đặc điểm đó; “-” là không có đặc điểm đó. CS = Tình huống giao tiếp; PF = Cung cấp phản hồi; CC = Kiểm tra sự hiểu biết; SU = Ra hiệu sự hiểu biết; RC = Yêu cầu làm rõ; MN = Đàm phán ý nghĩa; TT = Lấn lướt; DS = Định hình bài nghe; PS = Giải quyết vấn đề; AG = Hoàn thành mục tiêu; Người nghe - Người nói = Mối quan hệ người nghe - người nói).

Bảng 1 đề cập đến bốn đặc điểm chính của hoạt động nghe tương tác: tình huống giao tiếp (CS), hành vi của người nghe, động lực tương tác và mối quan hệ người nghe - người nói (LS). Hành vi của người nghe là đặc điểm nổi bật nhất của hoạt động nghe tương tác, bao gồm các yếu tố khác nhau: PF, CC, SU, RC, MN, TT và DS. Chúng là các loại phản hồi dự kiến khác nhau mà người nghe được yêu cầu hành động khi tiếp cận một thông điệp được truyền tải. Với các phản hồi, người nghe chuyển sang vai trò của người nói và ngược lại, thay phiên nhau (TT) để nói và do đó định hình bài nghe (DS), thúc đẩy và/hoặc đóng góp vào tiến trình của cuộc trò chuyện. Hoạt động nghe từ lâu đã được coi là một quá trình tích cực. “Đã qua rồi cái thời của những quan niệm về nghe theo kiểu Dickens, trong đó tai chúng ta là nơi tiếp nhận thông tin, và tất cả những gì người nghe phải làm là thụ động chấp nhận thông điệp”, Mendelsohn nói [42, tr.34]. Và Rubin giải thích rằng nghe là một quá trình chủ động vì người nghe lựa chọn và diễn giải thông tin đến từ các manh mối thính giác và thị giác để xác định điều gì đang diễn ra và người nói đang cố gắng diễn đạt điều gì [43, tr.7]. Tổng hợp qua các nghiên cứu, các tiêu chí nghe tương tác bao gồm:

1) Xảy ra trong một tình huống giao tiếp

Nghe tương tác diễn ra trong một tình huống giao

Bảng 1: Các yếu tố chính của kỹ năng nghe tương tác [Nguồn: Guan [2 , tr.19]

Tác giả	CS	Hành vi của người nghe							Mục đích	Người nghe - Người nói	
		PF	CC	SU	RC	MN	TT	DS		AG	
		PS									
Anderson & Lynch ⁶	-	-	-	-	-	-	+	-	-	-	-
Rost ³⁰	-	+	+	+	-	-	+	+	+	-	-
Dunkel ³²	-	-	-	-	+	-	-	-	-	-	-
Morley ³³	-	+	-	-	-	+	-	-	-	-	-
Yule ²⁶	-	-	-	-	+	-	-	-	+	-	+
Kaplan & Stefanopoulos ³⁴	-	-	-	+	-	-	-	-	-	-	-
Bahns ³⁵	-	-	-	-	-	-	-	-	+	-	+
Lynch ²³	+	-	-	-	-	+	-	-	+	-	-
Kaurate ³⁶	-	-	-	-	-	+	-	-	-	+	+
Nunan ³⁷	+	+	+	-	+	-	-	-	-	-	-
Vandergrift ²¹	+	+	-	+	+	-	-	+	-	+	+
Gardner ³⁸	+	+	-	-	-	-	-	+	-	-	-
Brouwer ³⁹	+	-	-	-	-	-	+	+	-	-	-
Buck ¹²	-	+	-	-	+	-	+	-	-	-	-
Rost ²⁴	+	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Vandergrift ²²	+	-	-	-	-	-	+	-	-	-	-
Tokeshi ²⁵	-	-	-	+	-	-	+	-	+	-	-
Anderson ⁴⁰	+	+	-	+	+	-	-	-	+	-	-
Vandergrift ²⁸	-	+	-	+	+	-	+	-	-	-	-
Ducasse & Brown ⁴¹	-	+	-	+	-	-	-	-	-	-	-
Total	8	9	2	7	7	3	7	4	6	2	6

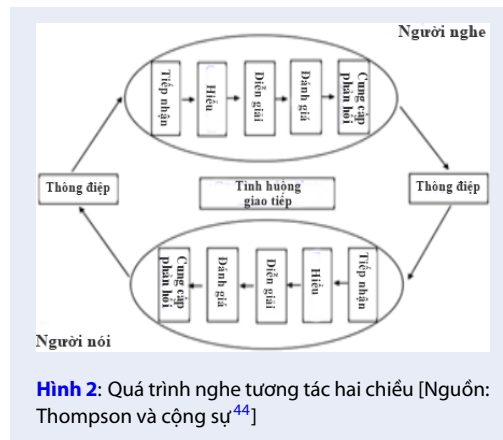
tiếp. Người nghe và người nói tham gia vào một tình huống giao tiếp cụ thể, tương tác liên tục với nhau. Nếu không có tình huống giao tiếp thì không phải là nghe tương tác mà chỉ là nghe chuyển giao, nghe thụ động hoặc nghe không chủ ý. Khi chúng tôi tiến hành khảo sát ngẫu nhiên 134 người, bao gồm giáo viên và học viên đang dạy và học tiếng Việt cho người nước ngoài, 91,7% đồng ý rằng giao tiếp tương tác cần diễn ra trong một tình huống giao tiếp (Hình 1).

Quá trình tương tác này là quá trình có sự tương tác hai chiều giữa người nghe và người nói. Có hai hướng của quá trình đó về cơ bản có thể được mô tả như sau (Hình 2). Theo hướng thứ nhất, người nghe sẽ tiếp nhận thông điệp từ người nói, hiểu/diễn giải/đánh giá và đưa ra phản hồi mong đợi. Theo hướng thứ hai, người nói sẽ tiếp nhận phản hồi của người nghe,



hiểu/điễn giải/đánh giá và đưa ra phản hồi mong đợi cho người nghe.

Mô hình này trình bày các đặc điểm phân biệt nghe tương tác với nghe chuyển giao. Thứ nhất, đầu vào nghe là thông tin do người nói tạo ra trong quá trình tương tác. Thứ hai, phản hồi của người nghe có một số



tác động đến hành vi của người nói. Có một mối quan hệ qua lại giữa đầu vào và phản hồi mong đợi. Tiếp theo, phản hồi của người nói ảnh hưởng đến khả năng hiểu và phản hồi của người nghe. Cuối cùng, việc nghe tương tác phải diễn ra trong một tình huống giao tiếp. Điều này ngụ ý rằng một mục tiêu giao tiếp nhất định sẽ đạt được. Hoạt động nghe tương tác là một quá trình tương tác liên tục được thực hiện bởi người nghe và người nói. Trong quá trình đó, người nghe nhận được thông điệp, sau đó phản hồi cho người nói. Sau đó, phản hồi của người nói lại ảnh hưởng đến sự hiểu biết của người nghe cũng như kích hoạt các phản hồi tiếp theo. Và những điều này có thể giúp gợi ra nhiều phản hồi hơn từ người nói.

Về mặt lý thuyết, các chuỗi tương tác có khả năng khá đơn giản hoặc khá phức tạp. Nó phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác nhau, chẳng hạn như trình độ ngôn ngữ của người tham gia, sự khác biệt về địa vị xã hội của những người tham gia, sự quen biết giữa họ, kiến thức của mỗi người, mức độ phức tạp của thông điệp, bản chất của tương tác, v.v. Và kết quả thực nghiệm cho thấy 97,8% số người chúng tôi khảo sát cho rằng giao tiếp tương tác đòi hỏi sự tương tác hai chiều giữa những người tham gia (Hình 3).



3) Người nghe đóng vai trò tích cực (phản hồi)

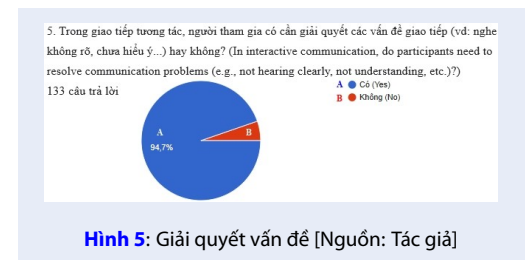
Khả năng hoán đổi là một trong những cơ sở của khía cạnh tương tác, xã hội của ngôn ngữ. Người nghe tích cực tham gia trao đổi với người nói bằng cách đưa

ra phản hồi. Những hành vi của người nghe này bao gồm cung cấp phản hồi, kiểm tra sự hiểu biết, ra hiệu hiểu biết, yêu cầu làm rõ, đàm phán ý nghĩa và thay phiên nhau. Sau những hoạt động này, bài phát biểu đã được định hình. Kết quả thực nghiệm của chúng tôi cho thấy 90,3% số người được khảo sát cho rằng trong giao tiếp tương tác, người tham gia cần đóng vai trò tích cực như đưa ra phản hồi, yêu cầu làm rõ, đàm phán ý nghĩa, v.v. (Hình 4).



4) Giải quyết vấn đề giao tiếp

Trong các hoạt động nghe, các vấn đề từ giao tiếp xảy ra và quá trình giải quyết vấn đề là điều cần thiết để đạt được mục tiêu cuối cùng là tương tác. Trong cuộc khảo sát thực nghiệm của chúng tôi, 94,7% cho biết trong giao tiếp tương tác, người tham gia cần giải quyết các vấn đề giao tiếp (Hình 5).



5) Đạt được mục tiêu tương tác nhất định

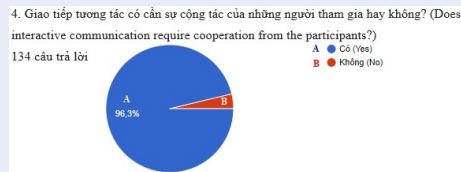
Khi người nghe chủ động tương tác bằng cách liên tục cung cấp phản hồi, thay phiên nhau và đàm phán ý nghĩa với người nói, điều đó có nghĩa là họ thực sự đang hợp tác với người nói để thúc đẩy cuộc trò chuyện và đạt được mục tiêu giao tiếp sau cùng. Khi những người tham gia khảo sát thực nghiệm của chúng tôi được hỏi liệu giao tiếp tương tác có hướng đến việc hoàn thành mục tiêu giao tiếp hay không, 91% trong số họ cho rằng nó phải đạt được một mục tiêu giao tiếp nhất định (Hình 6).

6) Mối quan hệ người nghe - người nói

Mối quan hệ giữa người nghe và người nói có nghĩa là phải luôn có sự cộng tác, hợp tác, hỗ trợ lẫn nhau và cùng nhau làm việc giữa họ. Điều này phản ánh



Hình 6: Mục tiêu tương tác [Nguồn: Tác giả]



Hình 7: Hợp tác trong giao tiếp [Nguồn: Tác giả]

bản chất của sự tương tác trong các hoạt động nghe và nghiên cứu đã chứng minh bằng thực nghiệm rằng bản chất của nghe tương tác là sự cộng tác.²⁵ Nghiên cứu đã khám phá ra thực tế rằng ý nghĩa của lời nói được xây dựng chung thông qua sự hợp tác giữa người nghe và người nói trong một số loại bối cảnh tương tác. Nghĩa là, người tham gia chủ động cộng tác tích cực để nâng cao sự hiểu biết của người nghe, nhằm mục đích giúp người nghe có thể hoàn thành nhiệm vụ. Và cũng có tỷ lệ rất cao là 96,3% đồng ý rằng giao tiếp tương tác đòi hỏi sự hợp tác từ những người tham gia (Hình 7).

Kỹ thuật giảng dạy nghe tiếng Việt tương tác để đạt được các tiêu chí trên

Để đạt được các tiêu chí trên, các kỹ thuật dạy nghe tiếng Việt tương tác này nên được sử dụng như sau:

1) Tạo tình huống giao tiếp

Giao tiếp tương tác liên quan đến ít nhất hai người tham gia. Nội dung của bất kỳ thông điệp cụ thể nào được xác định một phần bởi nội dung của các thông điệp trước đó từ tất cả những người tham gia và do đó không thể dự đoán nội dung của thông điệp từ bất kỳ ai trong số họ. Hội nghị, tranh luận, hội thảo và các cuộc trò chuyện qua điện thoại là những ví dụ về giao tiếp tương tác. Số lượng người tham gia có thể thay đổi, trong các tình huống khác nhau, chẳng hạn như, hai người tham gia (đối thoại 1:1), một số người tham gia (thảo luận nhóm) và nhiều người (hội thảo). Cách người nghe và người nói tương tác có thể thay đổi. Tuy nhiên, quá trình tương tác cơ bản vẫn như vậy. Các tình huống giao tiếp là các tình huống xã hội thực tế. Do đó, hãy thiết kế càng nhiều tình huống

xã hội càng tốt để tạo ra bên ngoài lớp học, để thúc đẩy việc sử dụng ngôn ngữ theo sự kiện. Tổ chức các hoạt động định kỳ ngoài trường học bằng tiếng nước ngoài, thông qua các nhóm sở thích, trò chơi và thể thao, các chuyến đi chơi, hội chợ và chợ phiên, để mở rộng trải nghiệm của học viên về lời nói như một hoạt động.

2) Khuyến khích người nghe đưa ra phản hồi

Sử dụng ngoại ngữ như một phương tiện hỗ trợ để phát triển năng lực của học viên trong nhiều nhiệm vụ giao tiếp khác nhau. Cung cấp cho học viên nhiều cơ hội nhất có thể để tiếp xúc với người bản ngữ trong giao tiếp xã hội.

3) Đảm bảo tương tác hai chiều

Hầu hết các tương tác trong giao tiếp xã hội đều là hai chiều, ngoại trừ một số tình huống hiếm hoi như thẩm vấn. Do đó, mặc dù các hoạt động hỏi đáp có thể được coi là tương tác, nhưng chúng chỉ là tương tác một chiều, vì vậy trong các hoạt động hỏi đáp, cần có sự thay đổi để tăng chiều hướng tương tác, tương tự như các tương tác thực tế trong xã hội.

4) Tạo ra các vấn đề giao tiếp để người nghe giải quyết

Trong hoạt động giao tiếp, sẽ luôn có các vấn đề giao tiếp phát sinh trong quá trình thực hiện. Nếu không có các vấn đề giao tiếp, thì đó không còn là hoạt động giao tiếp nữa. Các vấn đề giao tiếp đó có thể là các vấn đề ngôn ngữ bên trong, như phát âm, từ vựng, ngữ pháp, ngữ nghĩa, ngữ dụng, v.v. hoặc cũng có thể là các vấn đề xã hội, kỹ thuật, v.v. nằm ngoài ngôn ngữ như không gian, truyền tải, thời gian, cộng đồng, nghi thức văn hóa, v.v. Nhiệm vụ của người nghe là tìm cách giải quyết các vấn đề giao tiếp gặp phải trong quá trình nghe để đạt được mục tiêu nhất định. Ví dụ, khi người nói phát âm không rõ ràng, người nghe phải phản hồi ngay và yêu cầu người nói nhắc lại hoặc phát âm rõ ràng hơn hoặc giải thích thêm.

5) Cung cấp các mục tiêu tương tác để người nghe hoàn thành

Tất cả các hoạt động giao tiếp tương tác đều phải có mục tiêu. Ngược lại, nếu không có mục tiêu, rất khó để yêu cầu tương tác. Các vấn đề giao tiếp nêu trên cũng có thể là nội dung mục tiêu mà giáo viên muốn đào tạo học viên. Chúng ta có thể thấy rõ điều này thông qua bài tập cụ thể sau, trong đó học viên thực hành các con số và cách nói thống kê bằng số.

Bài tập: Trong gia đình, người chồng thường làm những việc nhà gì và người vợ thường làm những việc nhà gì? Bạn hãy viết các câu trả lời của bạn. Sau đó bạn hãy khảo sát ý kiến của các bạn cùng lớp. So

sánh câu trả lời của bạn với những bạn khác trong lớp. Nhận xét xem có bao nhiêu người có ý kiến giống nhau. Sử dụng các con số để nói các nhận xét đó. Các bạn khác nghe và ghi chép các con số.

Ví dụ: Có **chín trên mười** người có ý kiến giống nhau là người chống làm việc nhà ít hơn người vợ.

6) Theo dõi sự hợp tác tích cực của người nghe và người nói

Như các nghiên cứu đã chỉ ra, hoạt động nghe tương tác là một quá trình có sự giao tiếp hai chiều. Trong đó, mối quan hệ giữa người nghe và người nói là mối quan hệ phải luôn có sự hợp tác, phối hợp, hỗ trợ lẫn nhau và cùng nhau làm việc. Trong mối quan hệ này, cả người nói và người nghe đều đóng vai trò chủ động. Và điều quan trọng nhất là người nghe tích cực tham gia trao đổi với người nói bằng cách đưa ra phản hồi. Do đó, khi thiết kế và triển khai các bài tập và hoạt động, giáo viên phải luôn tạo điều kiện và luôn theo dõi sự hợp tác tích cực của người nghe và người nói. Một ví dụ cụ thể là với bài tập: So sánh câu trả lời của bạn. Giáo viên phải đảm bảo rằng học viên của mình phải giao tiếp tương tác với nhau dưới hình thức nói và nghe; không phải học viên trình bày kết quả cho nhau và ghi chép.

Phương pháp đánh giá kỹ năng nghe tiếng Việt theo tiếp cận tương tác

Nghe tương tác diễn ra trong mọi loại tương tác ngẫu hứng như hội thoại, thảo luận, tranh luận, phỏng vấn, v.v. Những tương tác ngẫu hứng này có thể được coi là nhiệm vụ nói “sử dụng ngôn ngữ mục tiêu” (Target Language Use = TLU). Vì nói và nghe tương tác không thể tách rời nhau, nhưng không có nhiệm vụ nghe TLU tương tác thuần túy nào. Trên thực tế, nhiệm vụ nói tương tác đòi hỏi một số mức độ tương tác nhất định khi nghe và tùy thuộc vào lượng tài liệu nghe cũng như mức độ tương tác giữa người nghe và người nói. Các hoạt động hỏi đáp giữa giáo viên và học viên trong lớp học là nhiệm vụ TLU có mức độ nghe tương tác thấp, vì vai trò mong đợi của người học trong tương tác là vai trò của người nói, không phải người nghe. Thay vào đó, việc gọi điện để xin thông tin từ một công ty lễ hành về chuyến đi đến Ý có thể là nhiệm vụ điển hình của nghe tương tác. Người học thực hiện cuộc gọi phải chủ động tương tác với công ty lễ hành để có thể có được mọi thông tin cần thiết cho chuyến đi. Nhiệm vụ nghe tương tác cao cũng có thể là các cuộc trò chuyện hoặc thảo luận. Bởi vì, trong các hoạt động này, người tham gia thay phiên nhau và liên tục chuyển đổi vai trò giữa người nghe và người nói. Khi thiết kế các nhiệm vụ kiểm tra

nghe tương tác, có thể hiểu rằng các nhiệm vụ kiểm tra được phát triển với các loại nhiệm vụ nghe TLU điển hình nhất. Tương tự như vậy, chúng ta nên chú ý xem các nhiệm vụ kiểm tra có sở hữu các đặc điểm nổi bật nhất của các nhiệm vụ nghe tương tác TLU hay không khi chúng ta xem xét liệu các nhiệm vụ nghe tương tác có được đánh giá trong một bài kiểm tra hay không. Các đặc điểm chính của các nhiệm vụ TLU để nghe tương tác trong Bachman và Palmer [45, tr.66-68] bao gồm các điểm sau (Bảng 2).

Về đánh giá, chúng ta có thể thiết lập chúng như trong các ví dụ sau:

Học viên có thể yêu cầu nhắc lại hoặc làm rõ khi ý nghĩa của người phỏng vấn chưa được hiểu hoàn toàn [46, tr.40]. Ví dụ, nhiệm vụ trao đổi thông tin so sánh con người và địa điểm được đo lường theo khía cạnh nghe và phản hồi từ ba chiều: sử dụng các chiến lược để làm rõ và xác nhận sự hiểu biết, trả lời một loạt các câu hỏi về chủ đề và nghe và phản hồi phù hợp với các quan điểm khác [47, tr.34].

Học viên thực hiện các lệnh mà không cần nhắc nhở và có thể yêu cầu giải thích bằng lời. 48

Học viên chứng minh sự hiểu biết của mình với giám khảo bằng cách trả lời các câu hỏi một cách phù hợp bằng lời nói và tìm kiếm sự làm rõ bằng văn bản nếu cần [49, tr.16].

Cá nhân có thể nắm bắt được các điểm chính của hầu hết các cuộc trò chuyện hàng ngày, nhưng gặp khó khăn trong việc hiểu người bản ngữ trong các tình huống đòi hỏi kiến thức nền tảng chuyên môn hoặc phức tạp. (Người bản ngữ có thể cần điều chỉnh theo những hạn chế theo một số cách). 50

Học viên có thể bắt chước các từ hoặc cụm từ hoặc hát các bài hát bằng ngôn ngữ mục tiêu của mình mà không hiểu các từ, có thể cố gắng làm rõ ý nghĩa trong ngôn ngữ mục tiêu bằng cách diễn đạt lại các cụm từ bằng ngôn ngữ bản địa, bằng cách đặt câu hỏi bằng ngôn ngữ bản địa hoặc bằng cách chọn các từ thay thế. 51

Các cá nhân có thể yêu cầu hỗ trợ và xác minh khả năng hiểu lời nói của người bản xứ trong quá trình tương tác trực tiếp. 50

THẢO LUẬN

Các vấn đề thảo luận

Đầu tiên là dạy nghe tiếng Việt. Các bài tập nghe trong giáo trình dạy tiếng Việt cho người nước ngoài hiện nay phần lớn, nếu không muốn nói là toàn bộ, đều là nghe chuyển giao, nghĩa là nghe nội dung thông tin. Với dạng bài tập này, người nghe rất thụ động. Họ chỉ là người tiếp nhận mà không có cơ hội phản hồi để đạt được những mục tiêu có lợi hơn cho việc học

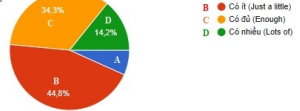
Bảng 2: Các tính năng chính của nhiệm vụ nghe tương tác TLU [Nguồn: Bachman và Palmer [45 , tr.66-68]

Đặc điểm	Nhiệm vụ nghe tương tác của TLU
Đặc điểm của bối cảnh	
Phương thức	trực tiếp, qua điện thoại, cuộc gọi video / hội nghị hoặc qua internet
Người tham gia	Ít nhất hai
Thời gian	Sự đa dạng, có thể là ban ngày, buổi tối hoặc cuối tuần
Đầu vào ngôn ngữ và phản hồi mong đợi	
Kênh	Âm thanh và/hoặc hình ảnh
Loại	Ngôn ngữ, cử chỉ, hành động
Phương tiện	Trực tiếp
Tốc độ	Nhanh (yêu cầu phản hồi nhanh)
Ngôn ngữ	Ngôn ngữ mục tiêu
Đặc điểm ngôn ngữ	Ngôn ngữ nói
Độ dài	Từ, câu và diễn ngôn mở rộng
Loại mẫu	Các mục (chẳng hạn như các câu phát biểu ngắn mà người nghe có thể cung cấp phản hồi hạn chế); Yêu cầu (chẳng hạn như một câu hỏi cần trả lời); Đầu vào cần được diễn giải (có thể là một cuộc họp)
Phản hồi mong đợi	Có thể giới hạn hoặc có thể mở rộng
Mối quan hệ giữa đầu vào và phản hồi mong đợi	
Các loại tương tác từ bên ngoài	Có đi có lại (yêu cầu một mức độ tương tác nào đó giữa người nghe và người nói)
Phạm vi	Nhỏ (có thể nghe ai đó chỉ đường đến một nơi nào đó và yêu cầu giải thích rõ hơn); Lớn (có thể nghe một câu chuyện và kể lại các sự kiện chính)
Tính trực tiếp	Trực tiếp (phản hồi với thông tin được cung cấp ngay bên trong đầu vào ngôn ngữ); Gián tiếp (phản hồi sử dụng thông tin không được cung cấp trong đầu vào ngôn ngữ)

ngôn ngữ của mình như làm rõ, định hình diễn ngôn, giải quyết các vấn đề giao tiếp và hoàn thành các mục tiêu của TLU. Việc tiếp xúc lâu dài với hình thức luyện nghe này sẽ dẫn đến nhiều hậu quả tiêu cực. Học viên sẽ luôn thấy các nhiệm vụ nghe rất khó khăn, nặng nề và căng thẳng. Học viên luôn là người tiếp nhận thụ động và mất đi bản năng phản xạ, dẫn đến việc né tránh, sợ bắt đầu cuộc trò chuyện, sợ tương tác và kỹ năng giao tiếp yếu hoặc mất đi khi tiếp xúc với các tình huống giao tiếp thực tế. Hơn nữa, việc chỉ tập trung vào nội dung thông tin vô tình khiến người học mất đi vô số cơ hội để thực hành và phát triển các kỹ năng ngôn ngữ khác như phát âm, ngữ điệu, phép xã giao, ngữ nghĩa - ngữ dụng trong ngữ cảnh, v.v. Những yếu tố này cực kỳ quan trọng đối với người học trong thực hành giao tiếp xã hội. Chúng quyết định sự thành công của người học trong cuộc sống xã hội của

họ với TLU. Qua khảo sát thực nghiệm, những người tham gia đánh giá rằng các bài tập thực hành (đặc biệt là nghe, viết, đọc) trong giáo trình hiện hành dùng để dạy tiếng Việt cho người nước ngoài cung cấp rất ít hoặc không đủ cơ hội cho học viên thực hiện tương tác giao tiếp. Hơn một nửa trong số họ đồng ý với tình trạng hiện tại ở trên, chiếm 51,5% (Hình 8). Thứ hai là việc đánh giá năng lực nghe tiếng Việt. Việc dạy nghe tiếng Việt và việc đánh giá năng lực nghe tiếng Việt trong các bài kiểm tra, bài thi nghe đến nay vẫn chưa chú ý nhiều đến khả năng giao tiếp tương tác của học viên trong khi nghe. Các câu hỏi bài tập nghe cũng chỉ tập trung vào nội dung của thông điệp nghe. Trong khung đánh giá năng lực nghe, không có tiêu chí nào cho nghe tương tác. Tất cả các tiêu chí đều xoay quanh việc kiểm tra khả năng hiểu và nắm bắt thông tin ở các mức độ rõ ràng khác nhau

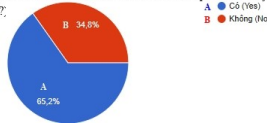
7. Các bài tập thực hành (đặc biệt là nghe, viết, đọc) trong các bộ giáo trình dùng để giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài hiện nay có cơ hội cho học viên giao tiếp tương tác hay không? (Do the practice exercises (especially listening, writing, reading) in the current textbooks used to teach Vietnamese to foreigners provide opportunities for students to do communicative interactions?)
134 câu trả lời



Hình 8: Tính tương tác trong giáo trình hiện tại [Nguồn: Tác giả]

trong nội dung của thông điệp nghe. Một tỷ lệ đáng kể những người được khảo sát nhận thấy rằng việc đánh giá trình độ tiếng Việt (đặc biệt là nghe, viết, đọc) trong các bài kiểm tra, bài thi không chú ý đến kỹ năng tương tác giao tiếp của học viên và các câu hỏi chỉ tập trung vào nội dung của thông điệp. Chúng chiếm 65,2% (Hình 9).

8. Việc đánh giá năng lực tiếng Việt (đặc biệt là nghe, viết, đọc) trong các bài thi, kiểm tra không chú ý đến năng lực tương tác giao tiếp của học viên và các câu hỏi chỉ tập trung vào nội dung thông điệp mà thôi, có đúng hay không? (Is it correct that the assessment of Vietnamese language proficiency (especially listening, writing, reading) in exams and tests does not pay attention to students' communicative interaction skills and the questions only focus on the content of the message?)
132 câu trả lời



Hình 9: Tính tương tác trong các bài kiểm tra hiện tại [Nguồn: Tác giả]

Thứ ba là việc xây dựng bài kiểm tra năng lực nghe tiếng Việt. Bài kiểm tra năng lực nghe tiếng Việt cho đến nay vẫn chưa thể kiểm tra được khả năng tương tác của thí sinh trong kỹ năng nghe vì chưa có tiêu chí về nghe tương tác và do đó, tất nhiên là chưa có tiêu chuẩn hay thang điểm để đánh giá năng lực nghe tương tác của người học. Do đó, trong quá trình xây dựng bài kiểm tra năng lực nghe tiếng Việt, vấn đề năng lực nghe tương tác của người học cần được chú trọng và bổ sung vào bài kiểm tra để đánh giá, kiểm tra khả năng giao tiếp thực sự của người học khi được đưa vào môi trường giao tiếp xã hội thực tế. Điều này cũng nhằm mục đích đánh giá người học một cách toàn diện, bao gồm cả năng lực thực hành ngôn ngữ, không chỉ là kiến thức, hay khả năng ứng phó với các câu hỏi trong bài kiểm tra, với các bài kiểm tra, với những điểm số hoàn toàn không có hoặc rất thấp về năng lực thực hành. Tình trạng này vẫn luôn thường gặp trong quá trình học ngoại ngữ.

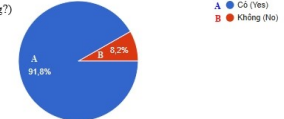
Cuối cùng là vấn đề biên soạn giáo trình nghe tương tác cho người Việt. Khả năng thứ nhất là các giáo trình đang được sử dụng có các bài tập và nhiệm vụ nghe được thiết kế với ít yếu tố tương tác và ít hoạt

động tương tác cho học viên. Khả năng thứ hai là các giáo trình đang được sử dụng không có yếu tố tương tác. Vì thế, với các giáo trình đang trong quá trình biên soạn hoặc sẽ biên soạn trong tương lai, chúng ta nên đầu tư sự quan tâm, xây dựng, mở rộng và tăng cường các vấn đề tương tác giao tiếp xã hội cho người học vì tầm quan trọng của các kỹ năng và khả năng nghe tương tác mà chúng tôi đã nghiên cứu và chứng minh trong các nội dung trên.

Khuyến nghị

Trong quá trình triển khai nghiên cứu thực nghiệm, 91,8% người tham gia khẳng định giao tiếp tương tác đã được áp dụng trong việc dạy và học tiếng Việt cho người nước ngoài (Hình 10).

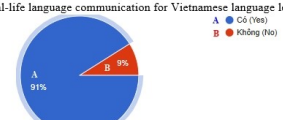
9. Giao tiếp tương tác đã được áp dụng trong việc dạy học tiếng Việt cho người nước ngoài của quý vị hay chưa? (Has interactive communication been applied in your Vietnamese to foreigners teaching/ learning?)
134 câu trả lời



Hình 10: Giao tiếp tương tác trong giảng dạy và học tập [Nguồn: Tác giả]

Bởi vì phần lớn người học tiếng Việt (tỷ lệ 91%) công nhận rằng giao tiếp tương tác là hình thức giao tiếp ngôn ngữ gần nhất với đời sống thực tế (Hình 11).

11. Giao tiếp tương tác có phải là gần gũi nhất với giao tiếp ngôn ngữ trong cuộc sống thực của học viên học tiếng Việt cho người nước ngoài hay không? (Is interactive communication the closest to real-life language communication for Vietnamese language learners?)
134 câu trả lời



Hình 11: Giao tiếp tương tác trong cuộc sống thực [Nguồn: Tác giả]

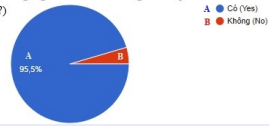
Và lý do quan trọng nhất và cũng là động lực thúc đẩy nhất là kết quả học tập/sử dụng ngôn ngữ của người học tiếng Việt cho người nước ngoài được cải thiện sau khi áp dụng giao tiếp tương tác. 95,5% đã xác nhận thực tế này trong kết quả khảo sát (Hình 12). Do đó, 97% sẽ tiếp tục dạy/học tiếng Việt cho người nước ngoài theo phương pháp giao tiếp tương tác (Hình 13).

Tuy nhiên, để đảm bảo nâng cao chất lượng dạy và học tiếng Việt theo phương pháp tương tác, cần tập trung vào các vấn đề sau.

Trước tiên, giáo viên cần có sự điều chỉnh hợp lý trong các hoạt động nghe. Với các bài tập nghe tập trung vào

10. Kết quả học tập/ sử dụng ngôn ngữ của học viên học tiếng Việt cho người nước ngoài có được cải thiện tốt hơn sau khi áp dụng Giao tiếp tương tác hay không? (Are the learning/ language use outcomes of Vietnamese language learners for foreigners improved after applying Interactive Communication?)

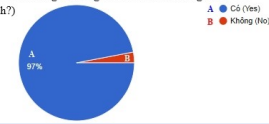
132 câu trả lời



Hình 12: Kết quả tiếp cận tương tác [Nguồn: Tác giả]

12. Quý vị sẽ tiếp tục dạy/ học tiếng Việt cho người nước ngoài với cách tiếp cận giao tiếp tương tác hay không? (Will you continue teaching/learning Vietnamese to foreigners with an interactive communication approach?)

134 câu trả lời



Hình 13: Cam kết sử dụng Cách tiếp cận tương tác [Nguồn: Tác giả]

nội dung thông tin có sẵn, giáo viên cần bổ sung các yếu tố tương tác từ khâu thiết kế, triển khai đến giám sát và đánh giá. Ví dụ với bài tập nghe hiện tại như sau:

Nghe cuộc nói chuyện giữa John và Kim, sau đó chọn câu trả lời đúng. (Listen to the conversation between John and Kim, then choose the correct answer.)

1. Anh John là người nước nào? (John is from which country?)

- A. Anh (UK)
- B. Úc (Australia)

2. Kim là người nước nào? (Kim is from which country?)

- A. Nhật (Japan)
- B. Hàn Quốc (South Korea)

Rõ ràng, với bài tập như thế này, học viên chỉ cần tiếp nhận nội dung nghe, chọn đáp án đúng là xong. Như vậy, hoạt động nghe chỉ đạt được yếu tố nội dung thông điệp. Và như thế, bài tập như thế này không cung cấp cho học viên các cơ hội khác để thực hành TLU. Do đó, để nâng cao chất lượng và tăng cường hiệu quả học ngoại ngữ, giáo viên có thể mở rộng nhiệm vụ nghe nói trên, thêm tương tác giao tiếp như sau.

I. Nghe cuộc nói chuyện giữa John và Kim, sau đó chọn câu trả lời đúng. (Listen to the conversation between John and Kim, then choose the correct answer.)

1. Anh John là người nước nào? (John is from which country?)

- A. Anh (UK)
- B. Úc (Australia)

2. Kim là người nước nào? (Kim is from which country?)

- A. Nhật (Japan)
- B. Hàn Quốc (South Korea)

II. So sánh lựa chọn của bạn với bạn kế bên bằng cách hỏi và trả lời. (Compare your choices with your neighbor by asking and answering questions.)

III. Làm việc nhóm nhỏ. Nghe và chép lại nội dung cuộc nói chuyện. (Work in small groups. Listen and write down the conversation.)

IV. Sử dụng hội thoại đã nghe để thực hành với các bạn trong lớp. (Use the dialogue you heard to practice with your classmates.)

Với ba hoạt động tương tác bổ sung trên, chúng ta thấy rằng giáo viên đã tối đa hóa các cơ hội tương tác cho học viên xung quanh việc nghe TLU, giúp học viên không chỉ nghe hiểu quả mà còn thực hành tốt các tương tác giao tiếp thực tế với TLU.

Thứ hai, việc đánh giá năng lực nghe tiếng Việt cần bổ sung các tiêu chí tương tác, nhằm kiểm tra và đánh giá khả năng tương tác ngôn ngữ và tương tác giao tiếp của người học trong các tình huống giao tiếp thực tế, hay cũng có thể nói là đánh giá khả năng tồn tại của người học trong môi trường giao tiếp xã hội thực tế. Do đó, việc bổ sung này là rất cần thiết và đã được chú ý và triển khai trong việc đánh giá các ngôn ngữ trên thế giới như đã chứng minh ở các phần trên.

Thứ ba, cấu trúc bài thi nghe tiếng Việt cần có thêm các phần, nội dung để kiểm tra, đánh giá khả năng giao tiếp, tương tác ngôn ngữ của học viên. Như đã phân tích chi tiết ở các phần trên, bài thi đánh giá khả năng giao tiếp, tương tác ngôn ngữ của học viên là bài thi toàn diện, đánh giá, kiểm tra toàn diện tất cả các kỹ năng giao tiếp thực tế của học viên chứ không chỉ riêng kỹ năng làm bài và kỹ năng làm bài. Với sự thay đổi này, tình trạng học viên đạt điểm cao nhưng yếu, không có khả năng thực hiện, không đạt yêu cầu trong giao tiếp thực tế sẽ chấm dứt hoặc được hạn chế tối đa.

Cuối cùng là việc biên soạn giáo trình nghe tiếng Việt tương tác. Theo tôi, với giáo trình tiếng Việt hiện hành cho người nước ngoài, nếu các bài tập và nhiệm vụ nghe được thiết kế ít yếu tố tương tác và hoạt động tương tác cho học viên, chúng ta nên mở rộng và tăng cường các khía cạnh tương tác của các bài tập và nhiệm vụ đó theo các tiêu chí, tiêu chuẩn, phương pháp và kỹ thuật như đã nghiên cứu, tóm tắt và nêu trong các phần trên. Nếu giáo trình hiện hành không có các yếu tố tương tác hoặc nếu biên soạn giáo trình mới, chúng ta nên đưa vào toàn diện các vấn đề tương tác giao tiếp xã hội để học viên có nhiều cơ hội hơn để học tập, thực hành và trau dồi các kỹ năng và khả năng nghe tương tác và giao tiếp tiếng Việt của mình.

KẾT LUẬN

Tương tác là một kỹ năng, đồng thời cũng là năng lực giao tiếp rất quan trọng trong quá trình học tập, rèn luyện và sử dụng ngôn ngữ trong môi trường xã hội thực tế của người học. Tương tác phản ánh bản chất giao tiếp xã hội của ngôn ngữ. Có thể nói, tương tác là yếu tố quyết định đến năng lực giao tiếp ngôn ngữ của người học trong thực tế. Do đó, nghiên cứu này đã làm rõ khái niệm nghe tương tác, các tiêu chí tương tác cho hoạt động nghe, thảo luận về việc áp dụng các yếu tố tương tác trong dạy kỹ năng nghe tiếng Việt cho người nước ngoài, xây dựng các cấu trúc yêu cầu nghe tiếng Việt tương tác cho người nước ngoài, thảo luận các kỹ thuật dạy và học nghe tiếng Việt tương tác cho người nước ngoài. Đồng thời, nghiên cứu này cũng đề xuất các tiêu chí đánh giá năng lực nghe tương tác, các tiêu chuẩn đánh giá các câu hỏi kiểm tra năng lực nghe tương tác. Kết quả nghiên cứu thu được từ nghiên cứu này có thể tạo cơ sở khoa học cho các định hướng trong việc biên soạn giáo trình nghe tương tác tiếng Việt cho người nước ngoài.

LỜI CẢM ƠN

Nghiên cứu được tài trợ bởi Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh trong khuôn khổ Đề tài khoa học mã số T2024-15.

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

TLU: Target Language Use (Sử dụng ngôn ngữ mục tiêu)

XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Bản thảo này không có xung đột lợi ích.

ĐÓNG GÓP CỦA TÁC GIẢ

Tác giả là người tổng hợp tài liệu, tư liệu nghiên cứu, thực hiện khảo sát, tiến hành so sánh các hoạt động, tài liệu giảng dạy - học tập, các bài thi đánh giá năng lực trong các ngôn ngữ trên thế giới với trong việc giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài; làm rõ các khái niệm về tương tác, nghe tương tác và các yếu tố cấu thành của chúng; đề xuất các kỹ thuật giảng dạy nghe tương tác tiếng Việt cho người nước ngoài; đề nghị các tiêu chí đánh giá kỹ năng nghe tương tác tiếng Việt của học viên nước ngoài trong quá trình dạy - học và trong các hoạt động kiểm tra - đánh giá; kiến nghị xây dựng giáo trình nghe tương tác tiếng Việt cho người nước ngoài và xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá các bài kiểm tra năng lực nghe tương tác tiếng Việt cho người nước ngoài.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Yến NTH. Làm thế nào để dạy nghe hiệu quả. Việt Nam học và tiếng Việt – Các hướng tiếp cận. Hà Nội: NXB Khoa học Xã hội; 2010. p. 499–509.
2. Guan XX, Jin Y. Interactive Listening: Construct Definition & Operationalization in Tests of English as a Foreign Language. Canadian Journal of Applied Linguistics. 2010;33(6):16–39.
3. Carroll BJ. Testing Communicative Performance: An Interim Study. UK: Pergamon Press; 1980.
4. Geddes M. Listening. In: and others, editor. Communication in the Classroom: Applications & Methods for a Communicative Approach. UK: Longman; 1981. p. 78–86.
5. Underhill N. Testing Spoken Language: A Handbook of Oral Testing Techniques. UK: Cambridge University Press; 1987.
6. Anderson A, Lynch T. Listening. UK: Oxford University Press; 1988.
7. Oxford R. Research update on L2 listening. System. 1993;21(2):205–11.
8. Oprandy R. Listening/speaking in second and foreign language teaching. System. 1994;22(2):153–75.
9. Brown HD. Language Assessment: Principles and Classroom Practices. US: Pearson Education; 2004.
10. Wagner E. Testing second language listening ability; 2003. Available from: http://www.tc.columbia.edu/academic/tesol/Webjournal/Wagner_Forum.pdf.
11. Bejar I, Douglas D, Jamieson J, Nissan S, Turner J. TOEFL 2000 Listening Framework: A Working Paper (TOEFL Monograph Series, Report No. 19). US: Educational Testing Service; 2000.
12. Buck G. Assessing Listening. UK: Cambridge University Press; 2001.
13. Ockey GJ. A comparison of still photo and video-mediated web-based listening tests. In: {P}roceedings of the 27th {A}nnual {L}anguage {T}esting {R}esearch {C}olloquium; 2004.
14. Ginther A. Context and content visuals and performance on listening comprehension stimuli. Language Testing. 2002;19(2):133–67.
15. Coniam D. The use of audio or video comprehension as an assessment instrument in the certification of English language teachers: a case study. System. 2001;19(1):1–14.
16. Lewkowicz JA. Testing listening comprehension: A new approach? Hong Kong Papers in Linguistics and Language Teaching. 1991;14:25–31.
17. Wu Y. What do tests of listening comprehension test—A retrospection study of EFL test-takers performing a multiple-choice task. Language Testing. 1998;15(1):21–44.
18. Buck G. Testing listening comprehension in Japanese university entrance examinations. JALT Journal 1988 . 1988;10(1):15–42.
19. Clapham C. Test review: the TOEFL-CBT. Language Testing. 2003;20(1):111–23.
20. Vandergrift L. Doctoral dissertation. The comprehension strategies of second language (French) listeners. Canada; 1992.
21. Vandergrift L. The Cinderella of communication strategies: receptive strategies in interactive listening. Modern Language Journal. 1997;81(4):494–505.
22. Vandergrift L. Listening: Theory and practice in modern language listening competence; 2002. Available from: www.lang.ltsn.ac.uk/resources/goodpractice.aspx?resourceid=67.
23. Lynch T, Mendelsohn DJ, Rubin J, editors. The development of interactive listening strategies in second language academic settings. US: Dominie; 1995.
24. Rost M. Teaching and Researching Listening. UK: Longman; 2002.
25. Tokeshi M, Doctoral dissertation. Listening comprehension processes and strategies of Japanese Junior high school students in Interactive settings. Australia; 2003.
26. Yule G. Developing communicative effectiveness through the negotiated resolution of referential conflicts. Linguistics and Education. 1991;3(1):31–45.

27. Vandergrift L. Listening to learn or learning to listen? Annual Review of Applied Linguistics. 2004;24:3–25.
28. Vandergrift L. Recent developments in second and foreign language listening comprehension research. Language Teaching. 2007;40(3):191–210.
29. Lynch T. Life in the slow lane: observations of a limited L2 listener. System. 1997;25(3):385–98.
30. Rost M. Listening in Language Learning. US: Longman; 1990.
31. Richards JC. The Language Teaching Matrix. UK: Cambridge University Press; 1990.
32. Dunkel P. Computerized testing of nonparticipatory L2 listening comprehension proficiency: an ESL prototype development effort. Modern Language Journal. 1991;75(L):64–73.
33. Morley J, Celce-Murcia M, editor. Listening comprehension in second/foreign language instruction. Boston: Heinle & Heinle Publishers; 1991.
34. Kaplan MA, Stefanopoulos L. Before we get down to business: Acquiring conversational skills in a foreign language. In: {P}roceeding of the 13th {A}nnual {C}onference on {L}anguages and; 1994.
35. Bahns J. There's more to listening than meets the ear (review article). System. 1995;23(3):531–7.
36. Kaurate G. Synthesis of methods for developing interactive listening skills; 1996. Available from: <http://www.salzburgseminar.org/ASC/csac/progs/interactive/gunta.html>.
37. Nunan D. Listening in language learning. The Language Teacher; 1997. Available from: <http://www.jalt-publications.org/tlt/files/97/sep/nunan.html>.
38. Gardner R. Between speaking and listening: the vocalisation of understandings. Applied Linguistics. 1998;19(2):204–24.
39. Brouwer CE. A conversation analytic view on listening comprehension: Implications for the classroom. Odense Working Papers in Language and Communication. 1999;(18):37–48.
40. Alderson JC. Diagnosing Foreign Language Proficiency: The Interface Between Learning and Assessment. UK: Continuum; 2005.
41. Ducasse AM, Brown A. Assessing paired orals: Raters' orientation to interaction. Language Testing. 2009;26(3):423–43.
42. Mendelsohn DJ. Listening comprehension: we've come a long way but... Contact (Thousand Oaks, Ventura County, Calif). 2001;27:33–40.
43. Rubin J, Mendelsohn DJ, Rubin J, editors. An overview to Guide for the teaching of second language listening". US: Dominie; 1995.
44. Thompson K, Leintz P, Nevers B, Witkowski S. The integrative listening model: an approach to teaching and learning listening. The Journal of General Education. 2004;53(3-4):225–46.
45. Bachman LE, Palmer AS. Language Assessment in Practice: Developing Language Assessments and Justifying their Use in the Real World. UK: Oxford University Press; 2010.
46. National Assessment Governing Board. Framework for the 2004 Foreign Language National Assessment of Educational Progress (Pre-Publication Edition); 2000. Available from: <http://www.nagb.org/publications/frameworks/FinalFrameworkPrePubEditionI.pdf>.
47. Trinity College London. Trinity certificates in ESOL Skills for Life: Speaking and listening syllabus; 2004. Available from: <http://www.trinitycollege.co.uk/site/?id=434>.
48. Center of Applied Linguistics. CAL oral proficiency exam and student oral proficiency assessment rating scale; 2009. Available from: http://wvconnections.k12.wv.us/documents/8xI1_5scope-sopa-rs2009np.pdf.
49. Trinity College London. Spoken English for Work (SEW) examinations syllabus 2008-2010; 2009. Available from: <http://www.trinitycollege.co.uk/site/?id=1978>.
50. Defense Language Institute English Language Center. Oral Proficiency Interview performance profile; 2010. Available from: http://www.dlielc.org/testing/opi_profile.html.
51. Center of Applied Linguistics. Cow talk - Early language listening and oral proficiency assessment (ELLOPA) Rating Profile. Available from: http://www.anciauxinternational.com/language_immersion/ELLOPA-RP.doc.

The interactive approach: criteria and methods for teaching Vietnamese language listening to foreigners

Nguyen Hoang Phuong*



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

ABSTRACT

A significant proportion of listening activities in practice are interactive in nature, as it has been proven in research studies around the world. All listening activities, except for media listening, speech listening and eavesdropping, are aimed at two-way listening and speaking in direct communication. Traditionally, however, language teaching activities have often adopted a passive approach to listening comprehension, leading learners to perceive listening as a purely receptive act. This approach emphasizes the mere reception of information rather than active synthesis or clarification when comprehension issues arise. If learners are placed in communicative contexts, and if they can interact with the speaker to seek understanding, the teaching and learning effectiveness of language listening activities will be enhanced. For these reasons, in this article, we study the application of the interactive approach to teaching Vietnamese listening to foreigners. We review research works on interactive listening teaching and Vietnamese listening proficiency tests. Then, the concepts of interaction, interactive listening and their constituent elements are clarified. On that basis, the methods for teaching interactive Vietnamese listening are proposed. The criteria for assessing interactive listening skills of foreigners in the teaching-learning process and in testing-assessment activities are also offered. The obtained results have the potential to build interactive Vietnamese listening textbooks for foreigners as well as assessment standards for interactive Vietnamese listening proficiency tests.

Key words: interactive approach, interactive listening, criteria, methods, Vietnamese language listening

University of Social Sciences and Humanities, VNUHCM, Vietnam

Correspondence

Nguyen Hoang Phuong, University of Social Sciences and Humanities, VNUHCM, Vietnam

Email: nguyenhoangphuong@hcmussh.edu.vn

History

- Received: 6-1-2025
- Revised: 15-7-2025
- Accepted: 29-12-2025
- Published Online: 26-1-2026

DOI :

<https://doi.org/10.32508/stdjssh.v10i1.1100>



Copyright

© VNUHCM Press. This is an open-access article distributed under the terms of the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



Cite this article : Phuong N H. **The interactive approach: criteria and methods for teaching Vietnamese language listening to foreigners.** *Sci. Tech. Dev. J. - Soc. Sci. Hum.* 2026; 10(1):3264-3276.